

Số: 05/BC-PKT

Hòa Thành, ngày 10 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Quyết định số 986/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn thị xã Hòa Thành;

Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023, cụ thể như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà năm 2023

1. Nội dung công khai

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 theo Biểu số 3 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai

Niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử thị xã hòa Thành, mục Phòng kinh tế thị xã <https://hoathanh.tayninh.gov.vn/vi/news/phong-kinh-te/> và niêm yết tại trụ sở đơn vị, địa chỉ Số 4, đường Phạm Văn Đồng, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Thời điểm công khai: Ngày 10/01/2024

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

A. Tổng số dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

1. Số thu phí, lệ phí: 65.000.000 đồng, trong đó:

- Lệ phí: 35.000.000đồng.
 - Phí: 30.000.000 đồng.
2. Chi từ nguồn thu phí được để lại: 24.000.000 đồng

2.1 Chi sự nghiệp

2.2 Chi quản lý hành chính: 24.000.000 đồng

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 24.000.000 đồng

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước: 41.000.000 đồng

- Lệ phí: 35.000.000đồng.
- Phí: 6.000.000 đồng.

Thực hiện thu trong năm 2023: 14.000.000 đồng

1. Số thu phí, lệ phí: 19.500.000 đồng, trong đó:

- Lệ phí: 13.900.000 đồng
- Phí: 5.600.000 đồng.

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại: 4.480.000 đồng

2.1 Chi sự nghiệp

2.2 Chi quản lý hành chính: 4.480.000 đồng

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 4.480.000 đồng

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước: 15.020.000 đồng

- Lệ phí: 19.500.000đồng.
- Phí: 1.120.000 đồng.

B. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

- Kinh phí tự chủ giao đầu năm 2023: 917.000.000 đồng.
- Kinh phí tự chủ bổ sung trong năm 2023: 7.732.645 đồng.
- Kinh phí tự chủ giảm trong năm 2023: 0 đồng.
- Tổng kinh phí tự chủ sử dụng trong năm 2023: 924.732.645 đồng.

Tổng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ năm 2023: 829.732.645đ/
924.732.645đ, tỷ lệ 89,73%

2. Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ:

- Kinh phí không tự chủ giao đầu năm 2023: 144.000.000 đồng.
- Kinh phí không tự chủ nguồn năm trước chuyển sang: 412.735.430 đồng

- Kinh phí không tự chủ bổ sung trong năm 2023: 1.139.440.000 đồng (trong có thực hiện CCTL: 74.940.000 đồng)

- Kinh phí không tự chủ giảm trong năm 2023: 0 đồng.

- Tổng kinh phí không tự chủ sử dụng trong năm 2023: 1.696.175.430 đồng.

Tổng kinh phí thực hiện không tự chủ năm 2023: 317,810,429đ/1.696.175.430đ, tỷ lệ 18,74%

Trên đây là báo cáo công khai và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Thanh tra thị xã;
- Lưu VT.PKT và niêm yết.

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Phạm Lynch Thy

Hòa Thành, ngày 10 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
 (Kèm theo Báo cáo số 05/BC-PKT, ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Phòng Kinh tế thị xã)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	65,000,000	19,500,000	30.00	
1	Lệ phí	35,000,000	13,900,000	39.71	
	Lệ phí về cấp chứng nhận, cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép, cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, điều chỉnh giấy chứng nhận đối với các hoạt động, các ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật	35,000,000	13,900,000	39.71	
2	Phí	30,000,000	5,600,000	18.67	
	Phí thẩm định lĩnh vực nông nghiệp	30,000,000	5,600,000	18.67	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	24,000,000	4,480,000	18.67	
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	24,000,000	4,480,000	18.67	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24,000,000	4,480,000	18.67	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	41,000,000	15,020,000	36.63	
1	Lệ phí	35,000,000	13,900,000	39.71	
	Lệ phí về cấp chứng nhận, cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép, cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, điều chỉnh giấy chứng nhận đối với các hoạt động, các ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật	35,000,000	13,900,000	39.71	
2	Phí	6,000,000	1,120,000	18.67	
	Phí thẩm định lĩnh vực nông nghiệp	6,000,000	1,120,000	18.67	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2,620,908,075	946,167,574	36.10	
I	Nguồn ngân sách trong nước	2,620,908,075	946,167,574	36.10	
1	Chi quản lý hành chính	1,041,508,075	946,167,574	90.85	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	924,732,645	829,732,645	89.73	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	116,775,430	116,434,929	99.71	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	117,000,000	29,875,500	25.53	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	117,000,000	29,875,500	25.53	
3	Chi đảm bảo xã hội	44,500,000	44,500,000	100.00	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44,500,000	44,500,000	100.00	
4	Chi hoạt động kinh tế	1,417,900,000	127,000,000	8.96	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,417,900,000	127,000,000	8.96	



Thủ trưởng đơn vị

Võ Phạm Linh Thy